DANH SÁCH SINH VIÊN NỢ HỌC PHÍ HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2017-2018

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
1	101162101126	Lê Văn Hùng	10C1B	735,000
2	101163101170	Nguyễn Trịnh Thanh Tuấn	10C1C	328,000
3	106161101116	Phan Thanh Hậu	10DT1	588,000
4	106161101167	Đỗ Phi Vân	10DT1	1,230,000
5	110241101136	Phạm Duy Nhựt	10KT1	3,300,000
6	110161101116	Lê Nhân Đức	10X1A	2,049,000
7	111142101107	Võ Văn Cường	10X2B	410,000
8	109161101152	Đậu Trọng Quang	10X3A	2,306,000
9	109163101145	Thái Viết Nhật	10X3C	6,198,000
10	101110139	Nguyễn Quang Duy	11C1A	655,000
11	101110172	Võ Quang Ngọc	11C1A	1,230,000
12	101110226	Trần Văn Hưng	11C1B	4,530,000
13	103110145	Nguyễn Khắc Nhật	11C4A	1,230,000
14	101110359	Lê Hữu Hải	11CDT1	1,640,000
15	101110437	Dương Quốc Hợp	11CDT2	940,000
16	105110180	Ksor Yu	11D1	588,000
17	104110066	Hồ Văn Bảy	11N	941,000
18	104110099	Võ Thiện Ngọc Hùng	11N	1,230,000
19	104110144	Mai Văn Toàn	11N	1,230,000
20	102110258	Võ Bình Yên	11T4	3,300,000
21	102110316	Trần Văn Minh	11T4	3,300,000
22	102110335	Nguyễn Ngọc Tú	11T4	3,300,000
23	110110249	Nguyễn Duy Lộc	11X1A	3,710,000
24	110110311	Hoàng Nguyễn Tuấn Anh	11X1B	3,300,000
25	110110473	Nguyễn Hữu Phước	11X1C	3,628,000
26	111110125	Võ Đình Lực	11X2B	410,000
27	109110143	Lê Phước Thịnh	11X3A	983,000
28	109110160	Nguyễn Bảo Anh	11X3B	3,273,000
29	109110181	Phan Nguyễn Hoàng Gia	11X3B	3,628,000
30	109110263	Dương Văn Cường	11X3C	3,300,000
31	109110289	Trần Minh Khoa	11X3C	3,300,000
32	101120116	Nguyễn Hữu Huynh	12C1A	820,000
33	101120159	Cao Quốc Bảo	12C1B	2,083,000
34	101120200	Nguyễn Xuân Thanh	12C1B	1,092,000
35	101120230	Nguyễn Duy Hoàng	12C1C	820,000
36	103120088	Nguyễn Đắc Quốc	12C4A	3,708,500
37	103120096	Phạm Văn Thiết	12C4A	4,283,000
38	103120106	Nguyễn Ngọc Tuấn	12C4A	655,000
39	103120171	Lê Đức Thông	12C4B	615,000
40	101120319	La Văn Tiến	12CDT1	410,000
41	101120345	Nguyễn Văn Hoàng	12CDT2	820,000
42	105120126	Lê Khánh Toàn	12D1	882,000
43	105120142	Lê Văn Việt	12D1	3,300,000
44	105120150	Nguyễn Kim Ấn	12D2	410,000
45	105120219	Nguyễn Công Tuân	12D2	3,888,000
46	106120028	Đặng Ngọc Hải Long	12DT1	2,359,000
47	106120136	Trần Cao Thắng	12DT3	820,000
48	106120166	Lê Đăng Hường	12DT4	3,300,000
49	106120177	Trần Văn Lành	12DT4	3,300,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
50	107120123	Trần Thị Thu Hà	12H2	3,300,000
51	107120161	Nguyễn Xuân Thành	12H2	3,300,000
52	103120206	Nguyễn Ngọc Thành Quang	12KTTT	615,000
53	103120210	Phan Xuân Tiến	12KTTT	615,000
54	103120211	Phạm Công Tín	12KTTT	245,000
55	104120049	Phạm Hậu	12N1	4,901,000
56	104120132	Lê Công Khánh Toàn	12N2	3,300,000
57	118120145	Nguyễn Phúc Hoà	12QLCN	3,300,000
58	118120179	Bùi Viết Thành	12QLCN	1,558,000
59	117120120	Lưu Hoàng Khánh	12QLMT	410,000
60	102120089	Lưu Đinh Hải Châu	12T1	655,000
61	102120104	Lê Minh	12T1	3,300,000
62	102120131	Huỳnh Kim Chính	12T2	820,000
63	102120133	Nguyễn Đỗ Việt Đức	12T2	820,000
64	102120149	Nguyễn Duy Phong	12T2	2,050,000
65	102120153	Trần Chí Thành	12T2	3,300,000
66	102120157	Lê Thị Cẩm Tiên	12T2	3,300,000
67	102120163	Đinh Quang Viễn	12T2	2,050,000
68	102120180	Trần Đức Hùng	12T3	820,000
69	102120195	Nguyễn Quang Thịnh	12T3	3,300,000
70	102120267	Nguyễn Văn Toàn	12T4	820,000
71	105120352	Phạm Minh Công	12TDH	820,000
72	105120389	Trần Thanh Long	12TDH	410,000
73	111120017	Dương Kim Hậu	12THXD	1,065,000
74	111120026	Nguyễn Tăng Khánh	12THXD	328,000
75	111120057	Phan Nhật Trung	12THXD	4,610,000
76	109120100	Trịnh Đăng Khoa	12VLXD	820,000
77	109120119	Hà Đức Sự	12VLXD	410,000
78	110120063	Phạm Văn An	12X1A	3,710,000
79	110120159	Ngô Đình An	12X1B	3,300,000
80	110120195	Văn Phú Linh	12X1B	3,115,000
81	110120235	Lò Đức Thuần	12X1B	410,000
82	110120267	Vũ Văn Điệp	12X1C	588,000
83	110120321	Bùi Thành Tài	12X1C	2,512,000
84	109120302	Trần Hữu Tuấn	12X3B	410,000
85	109120351	Lê Công Nghệ	12X3C	4,284,000
86	109120363	Trần Duy Nhật Quang	12X3C	2,411,000
87	109120366	Nguyễn Công Quý	12X3C	3,300,000
88	101130010	Hồ Viết Như Cường	13C1A	1,230,000
89	101130022	Huỳnh Văn Hiệp	13C1A	1,230,000
90	101130044	Ngô Quốc Phong	13C1A	2,050,000
91	101130047	Nguyễn Đình Phúc	13C1A	1,230,000
92	101130050	Lê Ngọc Bảo Quốc	13C1A	2,453,000
93	101130097	Lê Công Hiếu	13C1B	1,640,000
94	101130101	Lê Xuân Hoàng	13C1B	655,000
95	101130109	Nguyễn Đức Lai	13C1B	2,049,000
96	101130114	Lê Quang Nghĩa	13C1B	983,000
97	101130132	Trịnh Xuân Thành	13C1B	820,000
98	101139002	Nguyễn Tuấn Anh	13C1VA	6,827,000
99	101139004	Nguyễn Đình Chung	13C1VA	5,532,000
100	101139005	Nguyễn Văn Chư	13C1VA	5,697,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
101	101139006	Thái Văn Đạt	13C1VA	6,339,000
102	101139007	Trần Huy Đắc	13C1VA	3,545,000
103	101139011	Lê Phúc Hoàng	13C1VA	1,653,000
104	101139012	Nguyễn Trần Vũ Hoàng	13C1VA	7,512,000
105	101139013	Võ Viết Hoàng	13C1VA	4,200,000
106	101139015	Nguyễn Kiều Hưng	13C1VA	3,710,000
107	101139016	Trần Quốc Khánh	13C1VA	3,275,000
108	101139017	Nguyễn Hữu Nam	13C1VA	4,028,000
109	101139018	Nguyễn Duy Phúc	13C1VA	1,065,000
110	101139019	Đinh Viết Quang	13C1VA	1,243,000
111	101139020	Trần Đăng Quân	13C1VA	4,983,000
112	101139021	Trương Vũ Quốc	13C1VA	4,604,000
113	101139022	Trần Xuân Quốc	13C1VA	4,133,000
114	101139023	Hồ Sỹ Sinh	13C1VA	3,300,000
115	101139024	Phạm Sơn	13C1VA	3,948,000
116	101139025	Lê Quang Sơn	13C1VA	4,543,000
117	101139026	Nguyễn Văn Thành	13C1VA	5,273,000
118	101139027	Nguyễn Trọng Tiến	13C1VA	3,545,000
119	101139028	Phan Thanh Toàn	13C1VA	2,636,000
120	101139029	Nguyễn Đăng Tú	13C1VA	588,000
121	101139030	Trần Anh Tuấn	13C1VA	3,545,000
122	101139032	Đặng Hữu Tuyên	13C1VA	3,533,000
123	103130129	Phan Xuân Hùng	13C4B	615,000
124	103130135	Hà Đăng Khánh	13C4B	615,000
125	103130152	Nguyễn Văn Nam	13C4B	3,300,000
126	103130187	Lê Thanh Toản	13C4B	1,230,000
127	103130188	Ngô Trần Minh Trí	13C4B	307,500
128	103130199	Hồ Ngọc Vũ	13C4B	615,000
129	101130171	Lữ Thành Nhân	13CDT1	2,595,000
130	101130182	Phan Đình Thìn	13CDT1	820,000
131	101130218	Nguyễn Hoàng Thiện	13CDT2	3,196,000
132	105130022	Lê Phạm Hoàng Hải	13D1	3,300,000
133	105130030	Hồ Bảo Anh Huy	13D1	4,109,000
134	105130053	Nguyễn Ngọc Quỳnh	13D1	3,369,000
135	105130058	Võ Anh Thạch	13D1	655,000
136	105130924	Nguyễn Thành Công	13D1VA	820,000
137	105130926	Dương Đức Dũng	13D1VA	3,300,000
138	105130928	Lê Văn Giáp	13D1VA	2,881,000
139	105130932	Trần Huy Hùng	13D1VA	3,850,000
140	105130933	Trần Quốc Hùng	13D1VA	4,530,000
141	105130934	Nguyễn Đăng Khánh	13D1VA	6,551,000
142	105130935	Nguyễn Xuân Khánh	13D1VA	1,898,000
143	105130936	Nguyễn Đăng Linh	13D1VA	3,300,000
144	105130937	Trần Gia Lưu	13D1VA	3,302,000
145	105130938	Trần Đức Mại	13D1VA	6,009,000
146	105130940	Phan Văn Ngọc	13D1VA	2,948,000
147	105130943	Phạm Văn Nhị	13D1VA	3,300,000
148	105130944	Nguyễn Huy Phương	13D1VA	3,955,000
149	105130945	Nguyễn Đình Sắc	13D1VA	4,283,000
150	105130946	Nguyễn Công Sơn	13D1VA	1,947,000
151	105130947	Nguyễn Văn Tâm	13D1VA	3,300,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
152	105130949	Lê Công Thế	13D1VA	4,427,000
153	105130951	Nguyễn Văn Trung	13D1VA	3,300,000
154	105130952	Bùi Anh Tuấn	13D1VA	3,300,000
155	105130953	Phạm Anh Tuấn	13D1VA	4,833,000
156	105130955	Hồ Đức Việt	13D1VA	2,210,000
157	105130956	Nguyễn Huy Vũ	13D1VA	2,847,000
158	105130957	Nguyễn Tuấn Vũ	13D1VA	5,846,000
159	105130958	Nguyễn Văn Vũ	13D1VA	2,213,000
160	105130960	Phạm Vũ Linh	13D1VA	1,475,000
161	106130063	Lê Hoàng Minh Triết	13DT1	820,000
162	106130094	Nguyễn Trọng Hữu	13DT2	1,638,000
163	106130110	Phan Minh Nhân	13DT2	820,000
164	106130127	Trần Kim Thảnh	13DT2	2,459,000
165	106130130	Phan Tấn Thu	13DT2	820,000
166	106130135	Phùng Trần Tra	13DT2	3,340,000
167	106130136	Lê Công Trí	13DT2	820,000
168	106130137	Nguyễn Anh Trí	13DT2	820,000
169	106130152	Nguyễn Trung Đán	13DT3	410,000
170	106130189	Nguyễn Tấn Quyn	13DT3	3,074,000
171	106130198	Võ Trương Thiện	13DT3	1,230,000
172	106130203	Phan Hồng Trung	13DT3	2,050,000
173	106130212	Phạm Xuân Vinh	13DT3	820,000
174	107130010	Trần Hữu Hậu	13H1,4	983,000
175	107130068	Đỗ Việt Hoài	13H2A	1,230,000
176	121130029	Nguyễn Đình Nam	13KT1	3,955,000
177	121130078	Trần Thanh Hiếu	13KT2	2,457,000
178	121130102	Võ Văn Xuân Sơn	13KT2	2,293,000
179	118130008	Phan Minh Đức	13KX1	3,300,000
180	118130027	Phạm Thành Long	13KX1	1,230,000
181	118130038	Phạm Văn ối	13KX1	8,136,000
182	118130061	Trần Huỳnh Anh Tuấn	13KX1	410,000
183	117130035	Lê Xuân Nhân	13MT	3,411,000
184	104130036	Ngô Duy Luân	13N1	833,000
185	104130093	Phan Gia Hướng	13NL	1,638,000
186	104130114	Trần Văn Sang	13NL	3,919,000
187	104130121	Hoàng Hữu Thuận	13NL	1,230,000
188	118130141	Đặng Nhật Duy	13QLCN	6,696,000
189	118130144	Lê Phúc Hạnh	13QLCN	1,230,000
190	108130003	Trương Công Bích	13SK	820,000
191	102130076	Nguyễn Phúc Minh	13T2	882,000
192	102130084	Phạm Tuấn Sinh	13T2	820,000
193	102130086	Lê Đức Tánh	13T2	820,000
194	102130136	Nguyễn Đức Thuận	13T3	4,775,000
195	102130154	Bùi Nam Giang	13T4	820,000
196	102130156	Cáp Xuân Hiếu	13T4	2,050,000
197	102130181	Nguyễn Đình Tiến	13T4	1,640,000
198	102130209	Bùi Minh Nhật	13TCLC	3,300,000
199	102130213	Lê Ngọc Tân	13TCLC	2,295,000
200	102130222	Trần Văn Trí	13TCLC	5,300,000
201	105130312	Nguyễn Văn Đức	13TDH2	655,000
202	105130340	Lê Chánh Quảng	13TDH2	820,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
203	105130358	Trần Đức Vũ	13TDH2	1,640,000
204	111130004	Hồ Hoàng Bách	13THXD1	3,300,000
205	111130055	Lê Văn Tuấn	13THXD1	5,129,000
206	111130070	Nguyễn Phước Quý Đạt	13THXD2	1,393,000
207	111130092	Nguyễn Hoàng Phong	13THXD2	410,000
208	111130106	Dương Quang Tiến	13THXD2	3,045,000
209	111130110	Nguyễn Văn Truyền	13THXD2	4,592,000
210	111130116	Đặng Công Việt	13THXD2	410,000
211	111130121	Trần Thắng Ý	13THXD2	820,000
212	109130012	Hoàng Triều Dương	13VLXD	1,230,000
213	109130029	Võ Lê Sinh	13VLXD	5,656,000
214	110130019	Võ Xuân Cường	13X1A	2,603,000
215	110130021	Trịnh Quang Đạt	13X1A	546,000
216	110130056	Lê Tự Thạnh	13X1A	546,000
217	110130064	Phan Thị Thanh Trà	13X1A	4,434,000
218	110130076	Võ Ngọc An	13X1B	1,230,000
219	110130080	Lê Văn Bôn	13X1B	2,049,000
220	110130101	Đặng Sung Khang	13X1B	1,462,000
221	110130111	Lê Hưng Phú	13X1B	1,201,000
222	110130149	Nguyễn Phùng Cường	13X1C	2,512,000
223	110130159	Nguyễn Hoàng Giang	13X1C	546,000
224	110130198	Nguyễn Văn Thuận	13X1C	546,000
225	111130124	Nguyễn Duy Chinh	13X2	1,640,000
226	111130155	Đồng Xuân Quý	13X2	5,973,000
227	111130162	Nguyễn Trọng Toàn	13X2	1,230,000
228	109130133	Trần Bá Lưu	13X3B	1,230,000
229	109130180	Trần Quang Hiếu	13X3C	2,930,000
230	109130187	Lương Hoàng Gia Khải	13X3C	8,690,000
231	109130191	Lê Thành Lộc	13X3C	3,300,000
232	109130201	Ngô Đức Phúc	13X3C	2,849,000
233	101140059	Nguyễn Duy Tiến	14C1A	2,075,000
234	101140089	Nguyễn Minh Hoàng	14C1B	3,505,000
235	101140094	Nguyễn Hữu Gia Khánh	14C1B	2,075,000
236	101140117	Võ Đăng Thật	14C1B	2,107,000
237	101140119	Thái Bá Thông	14C1B	2,075,000
238	101140214	Lê Nam Anh	14C1VA	4,291,000
239	101140215	Lê Quốc Bảo	14C1VA	4,291,000
240	101140216	Phạm Hoàng Bảo	14C1VA	4,291,000
241	101140217	Trần Đình Chung	14C1VA	820,000
242	101140223	Đinh Kỳ Đông	14C1VA	4,291,000
243	101140224	Nguyễn Văn Hoàng	14C1VA	6,235,000
244	101140225	Lê Anh Học	14C1VA	4,291,000
245	101140226	Võ Văn Hợi	14C1VA	6,235,000
246	101140230	Nguyễn Tuấn Hùng	14C1VA	4,291,000
247	101140231	Nguyễn Viết Hùng	14C1VA	820,000
248	101140232	Cao Xuân Huy	14C1VA	5,415,000
249	101140233	Mai Văn Huy	14C1VA	820,000
250	101140234	Phạm Đình Huy	14C1VA	4,291,000
251	101140235	Võ Văn Kiên	14C1VA	4,869,000
252	101140236	Lê Xuân Bảo Long	14C1VA	6,070,000
253	101140237	Bùi Văn Lộc	14C1VA	7,164,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
254	101140238	Cao Thanh Nam	14C1VA	4,291,000
255	101140239	Nguyễn Hoài Nam	14C1VA	6,070,000
256	101140243	Đinh Văn Pháp	14C1VA	6,235,000
257	101140246	Lê Hồng Quân	14C1VA	5,415,000
258	101140247	Lê Hồng Quân	14C1VA	5,825,000
259	101140248	Đậu Ngọc Trường Sơn	14C1VA	5,415,000
260	101140251	Đinh Ngọc Thành	14C1VA	4,291,000
261	101140256	Dương Lê Tú	14C1VA	5,415,000
262	101140257	Nguyễn Minh Tuấn	14C1VA	4,291,000
263	103140003	Đào Thái Bảo	14C4A	4,395,000
264	103140023	Huỳnh Nhật Hòa	14C4A	3,549,000
265	103140033	Lê Văn Nam	14C4A	3,986,000
266	103140044	Nguyễn Văn Quyền	14C4A	1,638,000
267	103140069	Giang Văn Bảo	14C4B	4,641,000
268	103140080	Thái Văn Dũng	14C4B	307,500
269	103140090	Lê Văn Hoành	14C4B	1,747,000
270	103140094	Phạm Trung Kiên	14C4B	3,931,000
271	103140115	Phạm Nhật Tân	14C4B	3,986,000
272	103140129	Hoàng Anh Tuấn	14C4B	4,587,000
273	103140130	Nguyễn Quang Tùng	14C4B	307,500
274	103140131	Nguyễn Văn Tùng	14C4B	1,230,000
275	101140135	Nông Văn Đức	14CDT1	1,230,000
276	101140140	Lê Chí Hiếu	14CDT1	2,476,000
277	101140154	Đỗ Anh Nguyên	14CDT1	2,248,000
278	101140168	Nguyễn Quang Tuấn	14CDT1	906,000
279	101140176	Alăng Brắc	14CDT2	1,230,000
280	101140187	Nguyễn Quốc Khoa	14CDT2	655,000
281	101140198	Nguyễn Hữu Tân	14CDT2	2,216,000
282	101140210	Phạm Phú Vỹ	14CDT2	2,248,000
283	105140010	Trần Thị Bảo Ái	14D1	1,529,000
284	105140025	Phạm Anh Dương	14D1	820,000
285	105140031	Trần Khương Hiếu	14D1	410,000
286	105140044	Lê Tiến Lịnh	14D1	2,348,000
287	105140045	Lê Thanh Long	14D1	2,520,000
288	105140046	Nguyễn Đình Mỹ	14D1	3,331,000
289	105140047	Nguyễn Hoài Nam	14D1	2,520,000
290	105140091	Cao Đình An	14D2	2,401,000
291	105140097	Đặng Văn Chiến	14D2	205,000
292	105140111	Nguyễn Quang Hào	14D2	1,529,000
293	105140124	Võ Quốc Khang	14D2	6,483,000
294	105140135	Đoàn Xuân Phát	14D2	1,529,000
295	105140206	Dương Ngọc Phúc	14D3	1,529,000
296	105140226	Võ Văn Toàn	14D3	1,529,000
297	105140244	Ngô Thái Hòa	14DCLC	7,316,000
298	105140263	Nguyễn Đức Tân	14DCLC	7,316,000
299	106140019	Nguyễn Văn Hoàng	14DT1	820,000
300	106140030	Nguyễn Thị Ngọc	14DT1	1,365,000
301	106140031	Lê Thị Thảo Nguyên	14DT1	3,579,000
302	106140053	Tống Quang Tiến	14DT1	1,693,000
303	106140081	Thái Bình Dương	14DT2	410,000
304	106140098	Huỳnh Tăng Nhật Nguyên	14DT2	1,230,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
305	106140146	Nguyễn Văn Đức	14DT3	5,360,000
306	106140174	Võ Công Tây	14DT3	1,781,000
307	106140182	Phan Xuân Trí	14DT3	1,638,000
308	106140186	Nguyễn Xuân Trường	14DT3	2,457,000
309	107140014	Trần Hoàng Hạnh	14H1,4	2,348,000
310	107140015	Lê Thị Thu Hồng	14H1,4	1,912,000
311	107140057	Đỗ Thị Ngọc Ánh	14H2A	6,200,000
312	107140170	Phan Hồng Bạch	14H5	2,157,000
313	107140195	Hoàng Hữu Nghị	14H5	1,529,000
314	107140201	Hoàng Kim Nhân	14H5	1,529,000
315	107140208	Võ Hồng Quân	14H5	410,000
316	107140212	Dương Đình Quyết	14H5	3,301,000
317	107140217	Trần Thanh Sơn	14H5	1,529,000
318	107140221	Đỗ Xuân Thắng	14H5	1,529,000
319	121140015	Trần Đình Hưng	14KT1	1,638,000
320	121140027	Huỳnh Trung Nghĩa	14KT1	3,549,000
321	121140030	Lâm Thành Nhân	14KT1	1,638,000
322	121140050	Lê Đăng Thuận	14KT1	1,747,000
323	121140053	Lâm Khánh Tiên	14KT1	1,638,000
324	121140071	Bùi Thanh Bình	14KT2	1,638,000
325	121140077	Nguyễn Văn Đức	14KT2	1,911,000
326	121140089	Đặng Phước Linh	14KT2	1,638,000
327	103140175	Tôn Thất Minh Thông	14KTTT	1,583,000
328	118140023	Nguyễn Công Lân	14KX1	1,747,000
329	118140044	Nguyễn Hữu Quốc	14KX1	1,747,000
330	118140045	Nguyễn Vũ Quyền	14KX1	4,041,000
331	118140063	Nguyễn Thị Thu Thúy	14KX1	4,269,000
332	117140021	Võ Như Bảo Hòa	14MT	1,814,000
333	117140034	Đặng Ngọc Minh	14MT	2,075,000
334	117140047	Trần Thị Quỳnh Ny	14MT	4,805,000
335	104140006	Nguyễn Tấn Cần	14N1	1,638,000
336	104140073	Hồ Hữu Đại	14N2	1,474,000
337	104140083	Nguyễn Minh Hậu	14N2	2,946,000
338	104140123	Ngô Thế Vĩ	14N2	3,986,000
339	104140134	Nguyễn Văn Cường	14NL	4,721,000
340	104140144	Lê Quang Hòa	14NL	1,230,000
341	104140155	Hoàng Văn Kiên	14NL	1,802,000
342	104140159	Trần Văn Nam	14NL	3,150,000
343	104140181	Trần Viết Vinh	14NL	2,293,000
344	118140140	Nguyễn Đặng Vượt	14QLCN	1,365,000
345	117140104	Nguyễn Thảo Nguyên	14QLMT	2,239,000
346	108140010	Phạm Trọng Hà	14SK	410,000
347	108140023	Nguyễn Thị My	14SK	1,640,000
348	108140040	Lê Thị Xuân	14SK	1,640,000
349	102140012	Nguyễn Võ Đăng	14T1	1,747,000
350	102140013	Ngô Quang Đạt	14T1	820,000
351	102140019	Nguyễn Ngọc Hải	14T1	1,638,000
352	102140022	Trần Đình Hoàng	14T1	5,351,000
353	102140048	Nguyễn Văn Trí	14T1	3,112,000
354	102140158	Tạ Văn Thức	14T3	2,758,000
355	102140170	Lương Hữu Anh	14TCLC1	10,270,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
356	102140183	Nguyễn Nam Khánh	14TCLC1	7,098,000
357	102140186	Hoàng Nguyên Luật	14TCLC1	7,098,000
358	102140193	Huỳnh Ngọc Thịnh	14TCLC1	7,098,000
359	102140194	Đoàn Nghệ Thuật	14TCLC1	10,124,000
360	102140196	Hoàng Minh Toàn	14TCLC1	7,098,000
361	102140197	Dương Tấn Khánh Trình	14TCLC1	3,276,000
362	102140199	Phan Đình Văn	14TCLC1	7,098,000
363	102140201	Hồ Nguyễn Trúc Vy	14TCLC1	820,000
364	102140207	Nguyễn Trọng Hiếu	14TCLC2	7,098,000
365	102140212	Nguyễn Huỳnh Ngọc Minh	14TCLC2	820,000
366	102140224	Trần Văn Thịnh	14TCLC2	7,980,000
367	102140227	Trương Bá Nhật Trường	14TCLC2	5,734,000
368	102140228	Võ Nguyễn Nhật Trường	14TCLC2	3,382,000
369	102140229	Đinh Vũ Anh Tuấn	14TCLC2	11,911,000
370	102140231	Trần Hữu Tuấn	14TCLC2	12,669,000
371	102140232	Nguyễn Đình Vũ	14TCLC2	11,093,000
372	105140274	Trịnh Công Anh	14TDH1	3,931,000
373	105140288	Nguyễn Anh Huy	14TDH1	2,457,000
374	105140305	Nguyễn Hữu Phước	14TDH1	2,841,000
375	105140308	Ngô Văn Sáng	14TDH1	2,293,000
376	105140367	Huỳnh Tấn Thuận	14TDH2	3,658,000
377	105140375	Hoàng Phạm Vân	14TDH2	2,293,000
378	105140382	Lê Đức Anh	14TDHCLC	4,586,000
379	105140384	Huỳnh Bình	14TDHCLC	6,280,000
380	105140385	Nguyễn Hữu Danh	14TDHCLC	8,408,000
381	105140387	Nguyễn Trí Đạt	14TDHCLC	10,698,000
382	105140391	Nguyễn Ngọc Hoàn	14TDHCLC	6,690,000
383	105140394	Bùi Quang Huy	14TDHCLC	11,622,000
384	105140397	Nguyễn Cao Kỳ	14TDHCLC	8,408,000
385	105140399	Lê Đức Mạnh	14TDHCLC	12,756,000
386	105140400	Nguyễn Trọng Nghĩa	14TDHCLC	9,228,000
387	105140404	Đặng Đình Sáng	14TDHCLC	9,228,000
388	105140405	Hoàng Hữu Tài	14TDHCLC	12,475,500
389	105140412	Phạm Hữu Thành	14TDHCLC	10,698,000
390	105140415	Nguyễn Khánh Trình	14TDHCLC	9,063,000
391	103140071	Hoàng Thanh Bình	14THACO	6,006,000
392	103140074	Hồ Văn Chứng	14THACO	3,003,000
393	111140022	Võ Văn Tuấn Kiệt	14THXD	1,534,000
394	111140039	Huỳnh Ngọc Tài	14THXD	3,902,000
395	109140007	Nguyễn Cường	14VLXD	2,455,000
396	109140046	Nguyễn Thị Thu Uyên	14VLXD	1,638,000
397	110140020	Hoàng Thế A	14X1A	4,088,000
398	110140102	Trần Văn Diệu	14X1B	2,184,000
399	110140106	Nguyễn Văn Hải	14X1B	2,457,000
400	110140138	Nguyễn Tâm	14X1B	1,638,000
401	110140044	Phan Văn Bảo Khang	14X1C	4,540,000
402	110140059	Lê Hồng Phong	14X1C	2,184,000
403	110140142	Nguyễn Văn Thảo	14X1C	5,229,000
404	110140146	Đỗ Anh Tiến	14X1C	4,095,000
405	110140172	Lê Đức Trần Duy	14X1C	2,184,000
406	110140177	Nguyễn Thái Hoàn	14X1C	1,134,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
407	109140071	Trần Như Huân	14X3A	3,822,000
408	109140075	Hà Phước Khoa	14X3A	546,000
409	109140076	Phạm Duy Khoa	14X3A	3,822,000
410	109140087	Lê Quang Nhật	14X3A	1,092,000
411	109140098	Thái Công Sơn	14X3A	1,638,000
412	109140108	Lê Thanh Quốc Tiến	14X3A	3,822,000
413	109140156	Phạm Thanh Long	14X3B	1,883,000
414	109140159	Nguyễn Lê Nhật Minh	14X3B	3,822,000
415	109140184	Hồ Văn Thức	14X3B	3,822,000
416	109140195	Lê Tấn Đoàn Viên	14X3B	4,214,000
417	109140213	Nguyễn Đắc Dương	14X3C	1,638,000
418	109140233	Nguyễn Đức Lập	14X3C	3,864,000
419	109140246	Dương Huỳnh Vĩnh Phúc	14X3C	1,638,000
420	101150017	Nguyễn Đức Duy	15C1A	410,000
421	101150038	Nguyễn Văn Ninh	15C1A	1,365,000
422	101150201	Trương Anh Đài	15C1A	2,730,000
423	101150091	Phạm Văn Phương	15C1B	3,713,000
424	101150128	Nguyễn Thế Long	15C1C	2,075,000
425	101150253	Nguyễn Văn Anh	15C1VA	3,766,000
426	101150255	Nguyễn Tiến Đạt	15C1VA	3,766,000
427	101150259	Trần Đức Mạnh	15C1VA	3,822,000
428	101150260	Trần Huy Minh	15C1VA	5,484,000
429	101150263	Nguyễn Hữu Phương	15C1VA	3,766,000
430	101150265	Phạm Lê Thái Tài	15C1VA	3,930,000
431	101150266	Nguyễn Tiến Thành	15C1VA	5,484,000
432	101150268	Lương Thanh Trà	15C1VA	7,343,000
433	101150269	Lê Thị Trang	15C1VA	4,175,000
434	101150270	Trần Ngọc Tuấn	15C1VA	273,000
435	101150271	Trương Minh Hoàng Tuấn	15C1VA	6,128,000
436	101150272	Nguyễn Tiến Vui	15C1VA	819,000
437	103150038	Hồ Trọng Hiếu	15C4A	2,730,000
438	103150051	Nguyễn Văn Khuê	15C4A	2,730,000
439	103150069	Nguyễn Văn Quốc	15C4A	1,571,000
440	103150073	Nguyễn Đình Sa	15C4A	2,621,000
441	103150095	Lê Kim Tường	15C4A	6,286,000
442	103150097	Nguyễn Trường Vĩnh	15C4A	2,100,000
443	103150098	Nguyễn Tiến Vũ	15C4A	1,666,000
444	103150106	Nguyễn Quang Cư	15C4B	2,075,000
445	103150139	Nguyễn Thành Nghĩa	15C4B	3,731,000
446	103150145	Phạm Hoàn Phúc	15C4B	1,974,000
447	103150155	Trần Hữu Gia Thái	15C4B	2,348,000
448	103150159	Trần Văn Thành	15C4B	2,485,000
449	103150161	Trần Đình Thiện	15C4B	2,212,000
450	103150163	Biện Văn Thọ	15C4B	2,184,000
451	103150171	Hồ Ngọc Tú	15C4B	3,913,000
452	103150175	Trần Văn Vinh	15C4B	3,992,000
453	103150236	Phan Ngọc Ba	15C4VA	4,553,000
454	103150238	Trần Quốc Duy	15C4VA	273,000
455	103150243	Nguyễn Công Hàm	15C4VA	4,907,000
456	103150246	Trần Quốc Lập	15C4VA	4,586,000
457	103150252	Lê Văn Sum	15C4VA	4,361,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
458	103150253	Ngô Đức Thọ	15C4VA	1,230,000
459	103150256	Hồ Hải Tư	15C4VA	4,907,000
460	101150163	Tôn Thất Giỏi	15CDT1	2,184,000
461	101150167	Đinh Văn Hợp	15CDT1	819,000
462	101150168	Lê Thành Hưng	15CDT1	3,986,000
463	101150182	Mai Hồng Sơn	15CDT1	2,457,000
464	101150184	Trần Kim Tấn	15CDT1	2,184,000
465	101150198	Phan Xuân Bằng	15CDT2	2,457,000
466	101150206	Phan Nhật Hạ	15CDT2	410,000
467	105150022	Trương Văn Đạt	15D1	2,646,000
468	105150033	Trần Thế Huy	15D1	4,423,000
469	105150048	Hà Thúc Phúc	15D1	2,663,000
470	105150050	Phan Phương	15D1	2,499,000
471	105150062	Puih Thinh	15D1	4,969,000
472	105150063	Huỳnh Văn Thông	15D1	2,457,000
473	105150091	Ngô Văn Hoàng	15D2	1,693,000
474	105150094	Lý Quảng Huỳnh	15D2	2,457,000
475	105150097	Nguyễn Văn Luận	15D2	2,457,000
476	105150107	Trần Đại Hoàng Phúc	15D2	2,457,000
477	105150116	Đậu Đức Thành	15D2	1,365,000
478	105150134	Trương Thanh Công	15D3	2,457,000
479	105150138	Phú Trọng Đạt	15D3	5,851,000
480	105150167	Nguyễn Ngọc Sỹ	15D3	4,969,000
481	105150173	Trần Thanh Thiện	15D3	2,785,000
482	105150182	Hoàng Quốc Anh	15DCLC	5,475,000
483	105150183	Nguyễn Đức Anh	15DCLC	10,875,000
484	105150194	Nguyễn Huy Hoàng	15DCLC	10,875,000
485	105150201	Thân Ngọc Khánh Huyền	15DCLC	10,875,000
486	105150203	Nguyễn Văn Khánh	15DCLC	3,448,400
487	105150204	Nguyễn Mạnh Khoa	15DCLC	5,000,000
488	105150206	Hoàng Nhật Linh	15DCLC	10,875,000
489	105150210	Nguyễn Văn Nghĩa	15DCLC	5,000,000
490	105150214	Hồ Quốc Phát	15DCLC	10,875,000
491	105150215	Châu Tấn Phong	15DCLC	10,875,000
492	105150225	Nguyễn Sơn Trường	15DCLC	10,875,000
493	105150006	Huỳnh Đức Trí	15DLT	4,283,000
494	106150002	Hồ Văn Á	15DT1	2,184,000
495	106150053	Lưu Văn Minh Tâm	15DT1	5,906,000
496	106150076	Trần Mạnh Tuấn	15DT1	3,990,000
497	106150104	Nguyễn Thị Hường	15DT2	2,184,000
498	106150117	Nguyễn Ngọc Nam	15DT2	2,457,000
499	106150124	Nguyễn Hữu Nam Phong	15DT2	5,523,000
500	106150138	Lưu Văn Thạnh	15DT2	1,365,000
501	106150141	Trần Diệp Minh Thư	15DT2	5,024,000
502	106150152	Lê Văn Tường	15DT2	2,184,000
503	106150158	Đặng Thị Kim Chi	15DT3	874,000
504	106150166	Lê Tiến Duyệt	15DT3	3,049,000
505	106150168	Võ Quốc Hải	15DT3	5,523,000
506	106150186	Nguyễn Thành Long	15DT3	4,641,000
507	106150198	Phùng Hữu Minh Quang	15DT3	5,523,000
508	106150212	Phạm Văn Thuyết	15DT3	1,693,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
509	106150214	Lê Trịnh Ngọc Trí	15DT3	410,000
510	106150215	Bùi Nam Đoàn Triển	15DT3	2,646,000
511	107150028	Nguyễn Thị Nhật Linh	15H1,4	1,230,000
512	107150162	Nguyễn Thị Bích Ngọc	15H2B	2,403,000
513	107150199	NguyễN Quang Chức	15H5	4,478,000
514	107150208	Trần Văn Hạnh	15H5	1,638,000
515	107150222	Lê Quang Hưng	15H5	1,966,000
516	107150223	Nguyễn Khánh Huy	15H5	1,638,000
517	107150226	Trịnh Quốc Khánh	15H5	1,673,000
518	107150231	Pham Huỳnh Ly	15H5	2,588,000
519	107150238	Nguyễn Dương Trường Phong	15H5	2,512,000
520	107150239	Hà Thọ Phú	15H5	2,184,000
521	107150247	Nguyễn Anh Nhật Tâm	15H5	2,456,000
522	107150248	Nguyễn Duy Tân	15H5	1,638,000
523	107150249	Lê Viết Thắng	15H5	2,630,000
524	107150261	Phan Anh Tiến	15H5	2,512,000
525	107150278	Nguyễn Đình Xuân	15H5	2,184,000
526	121150010	Lê Thị Hồng Điệp	15KT1	2,184,000
527	121150018	Nguyễn Đình Hiếu	15KT1	2,457,000
528	121150022	Hà Lê Hoàng Huy	15KT1	8,664,000
529	121150030	Phạm Công Lập	15KT1	1,693,000
530	121150072	Nguyễn Trí Tuấn	15KT1	2,730,000
531	121150077	Hà Lâm Anh	15KT2	5,515,000
532	121150114	Trần Văn Nghĩa	15KT2	4,969,000
533	121150119	Ngô Văn Phúc	15KT2	1,230,000
534	121150121	Lê Thị Kim Phượng	15KT2	3,003,000
535	121150126	Lê Thị Ngọc Quỳnh	15KT2	1,230,000
536	121150136	Nguyễn Hoàng Thịnh	15KT2	1,693,000
537	121150140	Lê Thủy Tiên	15KT2	5,187,000
538	103150201	Trần Phương Nam	15KTTT	1,638,000
539	103150203	Hoàng Đăng Nhật	15KTTT	655,000
540	103150210	Tống Duy Tân	15KTTT	2,730,000
541	103150216	Ngô Văn Thảo	15KTTT	2,657,000
542	103150229	Phạm Anh Tuấn	15KTTT	2,793,000
543	118150004	Nguyễn Thị Chung	15KX1	2,457,000
544	118150011	Nguyễn Thanh Hải	15KX1	2,457,000
545	118150023	Nguyễn Tùng Lâm	15KX1	1,747,000
546	118150034	Đặng Phục	15KX1	3,658,000
547	118150088	Lê Thị Lệ Sương	15KX2	410,000
548	117150063	Nguyễn Văn Tân	15MT	1,230,000
549	117150014	Nguyễn Thị Thúy Nga	15MTLT	3,300,000
550	104150003	Phan Thanh Bách	15N1	4,507,000
551	104150008	Nguyễn Cao Đạt	15N1	1,638,000
552	104150009	Mai Xuân Đến	15N1	2,184,000
553	104150020	Đặng Văn Minh Hiếu	15N1	4,095,000
554	104150027	Nguyễn Đăng Khải	15N1	1,638,000
555	104150032	Phạm Hồng Lam	15N1	3,549,000
556	104150068	Lê Viết Tuân	15N1	2,457,000
557	104150074	Nguyễn Văn Vinh	15N1	1,582,000
558	104150104	Nguyễn Văn Khoa	15N2	2,184,000
559	104150112	Nguyễn Văn Ly	15N2	2,184,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
560	104150144	Trần Nhật Tuân	15N2	1,365,000
561	104150150	Nguyễn Xuân Vũ	15N2	2,730,000
562	118150122	Nguyễn Trọng Huấn	15QLCN	4,477,000
563	118150123	Tôn Thất Hưng	15QLCN	4,477,000
564	118150154	Trương Minh Tâm	15QLCN	2,184,000
565	117150094	Đặng Thị Duyên	15QLMT	993,000
566	117150144	Trịnh Thị Tuyết	15QLMT	410,000
567	108150028	Nguyễn Thái Ngọc	15SK	655,000
568	108150029	Phạm Phú Nguyên	15SK	410,000
569	108150033	Nguyễn Hoàng Phúc	15SK	2,646,000
570	108150034	Hồ Đoàn Phước	15SK	2,125,000
571	108150041	Mai Phúc Thạnh	15SK	882,000
572	102150025	Đặng Xuân Danh	15T1	3,720,000
573	102150032	Nguyễn Đức Hiển	15T1	5,779,000
574	102150039	Đặng Đôn Huy	15T1	3,386,000
575	102150060	Trần Hữu Phúc	15T1	820,000
576	102150065	Trần Đình Quý	15T1	2,621,000
577	102150086	Mai Đình Chiến	15T2	1,638,000
578	102150087	Ngô Minh Cương	15T2	820,000
579	102150116	Trần Phương Nam	15T2	1,604,000
580	102150121	Ngô Đình Phong	15T2	3,738,000
581	102150159	Nguyễn Văn Hà	15T3	2,317,000
582	102150165	Ngô Hải Huế	15T3	2,894,000
583	102150192	Nguyễn Thành Quang	15T3	3,658,000
584	102150216	Nguyễn Hữu Quốc Cường	15TCLC1	6,470,000
585	102150222	Hồ Quí Hoàng	15TCLC1	10,875,000
586	102150225	Võ Xuân Hùng	15TCLC1	10,875,000
587	102150228	Mai Trọng Khánh	15TCLC1	10,875,000
588	102150235	Nguyễn Hữu Nhân	15TCLC1	5,000,000
589	102150241	Đặng Thanh Sơn	15TCLC1	10,875,000
590	102150245	Hoàng Trọng Tâm	15TCLC1	10,875,000
591	102150248	Nguyễn Xuân Thơm	15TCLC1	10,875,000
592	102150250	Hoàng Viết Thuận	15TCLC1	10,875,000
593	102150261	Trần Hoàng Bão	15TCLC2	10,875,000
594	102150266	Phạm Đến	15TCLC2	11,924,000
595	102150270	Nguyễn Đức Thanh Hải	15TCLC2	10,875,000
596	102150271	Đặng Thị Hiệp Hậu	15TCLC2	11,285,000
597	102150274	Lê Trọng Hiếu	15TCLC2	820,000
598	102150276	Hoàng Xuân Khải	15TCLC2	10,875,000
599	102150278	Dương Tấn Lân	15TCLC2	10,875,000
600	102150282	Hồ Lê Minh	15TCLC2	10,875,000
601	102150284	Trần Công Minh	15TCLC2	6,130,000
602	102150290	Lê Hữu Phước	15TCLC2	10,875,000
603	102150291	Nguyễn Quang Phương	15TCLC2	10,875,000
604	102150303	Nguyễn Đức Vinh	15TCLC2	11,530,000
605	105150228	Nguyễn Ngọc An	15TDH1	820,000
606	105150233	Nguyễn Tất Bảo	15TDH1	2,457,000
607	105150257	Trần Văn Hiệp	15TDH1	3,822,000
608	105150258	Lê Văn Hòa	15TDH1	6,115,000
609	105150260	Nguyễn Trọng Hoàn	15TDH1	2,730,000
610	105150287	Nguyễn Trọng Phúc	15TDH1	2,348,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
611	105150288	Nguyễn Thanh Phước	15TDH1	1,638,000
612	105150289	Võ Hoàng Nguyên Phương	15TDH1	2,348,000
613	105150294	Nguyễn Văn Sự	15TDH1	1,911,000
614	105150388	Đặng Văn Phúc	15TDH1	4,750,000
615	105150314	Phạm Quốc Cường	15TDHCLC	10,875,000
616	105150326	Ngô Gia Huy	15TDHCLC	10,875,000
617	105150331	Trần Gia Khang	15TDHCLC	10,875,000
618	105150333	Trần Nguyễn Hoàng Lâm	15TDHCLC	10,875,000
619	105150335	Lê Phước Lộc	15TDHCLC	10,875,000
620	105150337	Hoàng Giang Nam	15TDHCLC	5,075,000
621	105150343	Trần Thanh Sang	15TDHCLC	5,475,000
622	105150345	Bạch Thanh Thiên	15TDHCLC	10,875,000
623	105150349	Lê Việt Tiến	15TDHCLC	4,975,000
624	105150352	Nguyễn Minh Trí	15TDHCLC	5,475,000
625	111150004	Huỳnh Thúc Ấn	15THXD	2,512,000
626	111150006	Nguyễn Văn Bảo	15THXD	2,621,000
627	111150021	Võ Ngọc Đức	15THXD	5,406,000
628	111150022	Hồ Minh Hải	15THXD	2,730,000
629	111150027	Nguyễn Đăng Huynh	15THXD	2,621,000
630	111150028	Trần Hồng Lân	15THXD	1,701,000
631	111150032	Phạm Phú Minh	15THXD	5,406,000
632	111150042	Đoàn Minh Quyền	15THXD	1,638,000
633	111150047	Nguyễn Đức Thiện	15THXD	1,705,000
634	111150048	Phạm Gia Thiều	15THXD	1,365,000
635	111150052	Bạch Văn Thương	15THXD	1,768,000
636	111150130	Trần Hữu Hoà	15THXD	5,679,000
637	102150015	Nguyễn Hồng Sơn	15TLT	3,300,000
638	109150228	Nguyễn Thành An	15VLXD	4,192,000
639	109150236	Trần Đủ	15VLXD	1,680,000
640	109150239	Đặng Quang Duy	15VLXD	3,877,000
641	109150241	Trần Văn Duy	15VLXD	2,512,000
642	109150242	Nguyễn Viết Hải	15VLXD	2,239,000
643	109150244	Phan Cảnh Hảo	15VLXD	1,995,000
644	109150248	Trần Thanh Hưng	15VLXD	4,122,000
645	109150253	Nguyễn Phước Khôi	15VLXD	1,831,000
646	109150266	Hồ Tấn Tài	15VLXD	3,877,000
647	109150279	Nguyễn Minh Trí	15VLXD	4,204,000
648	109150281	Huỳnh Minh Tú	15VLXD	4,423,000
649	110150037	Lê Hữu Hoàng	15X1A	1,883,000
650	110150056	Nguyễn Duy Mẩu	15X1A	1,802,000
651	110150059	Nguyễn Quang Nguyên	15X1A	3,885,000
652	110150060	Ngô Quý Trung Nhân	15X1A	4,750,000
653	110150067	Hồ Văn Quý	15X1A	1,638,000
654	110150070	Nguyễn Thanh Sơn	15X1A	2,457,000
655	110150077	Nguyễn Việt Thắng	15X1A	2,016,000
656	110150132	Nguyễn Văn Kiên	15X1B	2,566,000
657	110150133	Võ Hoàng Lai	15X1B	2,440,000
658	110150148	Võ Minh Quang	15X1B	3,397,000
659	110150149	Đặng Quang Quyết	15X1B	4,204,000
660	110150156	Lê Nguyên Thạch	15X1B	3,738,000
661	110150157	Võ Văn Thản	15X1B	3,004,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
662	110150160	Võ Văn Thành	15X1B	410,000
663	110150166	Lê Hoàng Thuận	15X1B	3,549,000
664	110150177	Lê Quốc Tùng	15X1B	2,660,000
665	110150188	Trương Quang Đạt	15X1C	2,457,000
666	110150205	Nguyễn Văn Huy	15X1C	4,750,000
667	110150208	Huỳnh Minh Khoa	15X1C	2,457,000
668	110150209	Nguyễn Đình Minh Khôi	15X1C	5,023,000
669	110150237	Nguyễn Viết Thành	15X1C	5,023,000
670	110150238	Huỳnh Văn Thảo	15X1C	3,413,000
671	110150250	Hồ Quang Trí	15X1C	3,658,000
672	111150108	Nguyễn Hữu Thông	15X2	2,785,000
673	111150112	Nguyễn Trung Trí	15X2	2,588,000
674	109150067	Nguyễn Ngọc Tuấn	15X3A	4,036,000
675	109150082	Trần Quốc Dũng	15X3B	3,100,000
676	109150101	Phạm Long Nhật	15X3B	1,645,000
677	109150112	Tống Văn Thắng	15X3B	1,526,000
678	109150118	Trần Văn Trúc	15X3B	1,092,000
679	109150131	Nguyễn Bảo Dâng	15X3C	1,693,000
680	109150150	Trần Thanh Long	15X3C	2,604,000
681	109150151	Phan Lượng	15X3C	2,566,000
682	109150156	Trần Quang Nhật	15X3C	3,303,000
683	109150160	Đoàn Duy Quân	15X3C	3,877,000
684	109150172	Đỗ Văn Toàn	15X3C	3,877,000
685	109150180	Nguyễn Thế Vũ	15X3C	1,911,000
686	109150181	Võ Thanh An	15X3CLC	10,875,000
687	109150182	Bùi Thiện Anh	15X3CLC	10,875,000
688	109150183	Nguyễn Đình Trung Anh	15X3CLC	10,875,000
689	109150185	Dương Tấn Nhật Bình	15X3CLC	10,875,000
690	109150186	Đặng Quốc Cường	15X3CLC	5,075,000
691	109150187	Nguyễn Đình Dũng	15X3CLC	10,875,000
692	109150188	Phan Tiến Dũng	15X3CLC	12,515,000
693	109150189	Nguyễn Minh Hải	15X3CLC	10,875,000
694	109150191	Nguyễn Xuân Hiếu	15X3CLC	10,875,000
695	109150192	Lương Nguyễn Anh Hoàng	15X3CLC	4,875,000
696	109150198	Nguyễn Đức Lộc	15X3CLC	10,875,000
697	109150199	Nguyễn Duy Luận	15X3CLC	10,875,000
698	109150200	Bùi Đức Phương Nam	15X3CLC	10,875,000
699	109150204	Phan Duy Pháp	15X3CLC	10,875,000
700	109150205	Trần Tấn Phát	15X3CLC	10,875,000
701	109150207	Phan Sỹ Phú	15X3CLC	5,475,000
702	109150209	Ngô Nhật Quý	15X3CLC	10,875,000
703	109150211	Đinh Quang Sáng	15X3CLC	10,875,000
704	109150214	Hoàng Minh Sửu	15X3CLC	4,975,000
705	109150216	Ông Quang Thái	15X3CLC	10,875,000
706	109150217	Lê Đức Thọ	15X3CLC	10,875,000
707	109150219	Ngô Lê Duy Trác	15X3CLC	5,475,000
708	109150220	Phạm Thị Thùy Trang	15X3CLC	10,875,000
709	109150221	Đào Ngọc Trung	15X3CLC	10,875,000
710	109150222	Trương Anh Tuấn	15X3CLC	10,875,000
711	109150225	Huỳnh Quốc Vỹ	15X3CLC	10,875,000
712	109150227	Đậu Văn Ý	15X3CLC	10,875,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
713	109150310	Nguyễn Ngọc Nhân	15X3CLC	10,875,000
714	101160010	Hồ Hữu Bền	16C1A	1,230,000
715	101160011	Nguyễn Đình Chính	16C1A	2,009,000
716	101160013	Phạm Công Danh	16C1A	3,920,000
717	101160021	Ngô Công Hoàng	16C1A	2,093,000
718	101160032	Lê Đức Mạnh	16C1A	3,105,000
719	101160035	Võ Văn Nghĩa	16C1A	2,254,000
720	101160047	Nguyễn Hồng Sơn	16C1A	2,891,000
721	101160055	Nguyễn Văn Tiến	16C1A	980,000
722	101160061	Lê Thanh Trung	16C1A	1,230,000
723	101160063	Nguyễn Ích Thanh Tú	16C1A	2,940,000
724	101160081	Hoàng Mạnh Cường	16C1B	3,773,000
725	101160107	Phan Văn Nhật	16C1B	2,927,000
726	101160110	Trương Hoàng Phúc	16C1B	2,254,000
727	103160026	Trần Quốc Đạt	16C4A	3,497,000
728	103160028	Trần Văn Đức	16C4A	3,435,000
729	103160095	Võ Ngọc Duy	16C4B	2,352,000
730	103160101	Trần Văn Hoàng	16C4B	2,453,000
731	103160142	Hồ Văn Tú	16C4B	2,450,000
732	103160204	Lê Văn Quang	16C4B	3,787,000
733	103160206	Võ Văn Tiến	16C4B	2,436,000
734	103160207	Ngô Văn Tòng	16C4B	2,898,000
735	103160209	Lê Văn Tư	16C4B	4,753,000
736	101160151	Nguyễn Đức Đại Phước	16CDT1	2,695,000
737	101160155	Nguyễn Trung Sỹ	16CDT1	882,000
738	101160161	Đỗ Văn Trọng	16CDT1	3,889,000
739	101160163	Lê Thanh Tùng	16CDT1	2,499,000
740	101160181	Đặng Công Hậu	16CDT2	2,583,000
741	101160209	Lê Thạc Tuấn	16CDT2	5,740,000
742	105160016	Nguyễn Ngọc Duy	16D1	2,401,000
743	105160021	Nguyễn Duy Hoàn	16D1	2,757,500
744	105160063	Nguyễn Văn Cường	16D2	1,292,000
745	105160069	Lê Anh Đức	16D2	2,254,000
746	105160113	Lê Quang Đại	16DCLC1	5,000,000
747	105160114	Ngô Đức Danh	16DCLC1	5,000,000
748	105160115	Phan Văn Công Danh	16DCLC1	5,475,000
749	105160117	Lê Hữu Do	16DCLC1	10,875,000
750	105160121	Nguyễn Thanh Duy	16DCLC1	2,940,000
751	105160125	Huỳnh Đức Hòa	16DCLC1	10,875,000
752	105160129	Phạm Thái Hùng	16DCLC1	10,875,000
753	105160131	Trần Lê Thanh Liêm	16DCLC1	2,940,000
754	105160136	Chế Viết Nhật	16DCLC1	2,940,000
755	105160137	Bùi Ngọc Quang	16DCLC1	5,000,000
756	105160139	Nguyễn Viết Sang	16DCLC1	5,000,000
757	105160140	Hà Mạnh Sửu	16DCLC1	10,875,000
758	105160144	Võ Thời	16DCLC1	10,875,000
759	105160149	Võ Thành Trung	16DCLC1	5,000,000
760	105160151	Lê Tuân	16DCLC1	10,875,000
761	106160041	Nguyễn Đình Phong	16DT1	2,450,000
762	106160046	Nguyễn Chí Sáng	16DT1	3,059,000
763	106160057	Lê Quang Tuấn	16DT1	2,499,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
764	106160059	Nguyễn Quốc Việt	16DT1	2,744,000
765	106160061	Bùi Đức Anh	16DT2	3,724,000
766	106160080	Nguyễn Thái Hùng	16DT2	2,254,000
767	106160089	Phạm Đình Nguyên	16DT2	410,000
768	106160091	Đoàn Minh Nhật	16DT2	5,194,000
769	106160092	Đỗ Thành Phát	16DT2	1,715,000
770	106160107	Nguyễn Khắc Từ	16DT2	2,401,000
771	106160112	Lê Văn An	16DTCLC1	10,875,000
772	106160122	Nguyễn Tiến Đức	16DTCLC1	10,875,000
773	106160127	Ngô Trần Thiện Hưng	16DTCLC1	10,875,000
774	106160128	Phạm Văn Huy	16DTCLC1	10,875,000
775	106160129	Võ Văn Huy	16DTCLC1	10,875,000
776	106160133	Nguyễn Quý Lộc	16DTCLC1	10,875,000
777	106160139	Nguyễn Phước Tài	16DTCLC1	7,206,000
778	106160142	Lê Xuân Vũ	16DTCLC1	10,875,000
779	106160147	Phạm Nguyễn Minh Cảnh	16DTCLC2	10,875,000
780	106160149	Đặng Ngọc Cường	16DTCLC2	5,000,000
781	106160157	Hồ Hoàng Minh	16DTCLC2	10,875,000
782	106160164	Trần Phước Quang	16DTCLC2	10,875,000
783	106160165	Trương Phương Minh Quang	16DTCLC2	10,875,000
784	106160167	Võ Thanh Sơn	16DTCLC2	10,875,000
785	106160170	Dương Ngọc Thành	16DTCLC2	10,875,000
786	107160043	Nguyễn Ngọc Thanh Nga	16H14	1,960,000
787	107160062	Nguyễn Quang Tâm	16H14	2,058,000
788	107160064	Trịnh Ngọc Băng Thanh	16H14	1,470,000
789	107160076	Lê Thị Yến	16H14	2,548,000
790	107160263	Lương Thị Trinh	16H2CLC	5,000,000
791	107160155	Hồ Trung Hải	16H5CLC1	10,875,000
792	107160169	Nguyễn Phát Ngọc Mạnh	16H5CLC1	5,000,000
793	107160175	Nguyễn Tư Nghĩa	16H5CLC1	10,875,000
794	107160187	Đinh Xuân Thiện	16H5CLC1	10,875,000
795	107160189	Trần Phi Thọ	16H5CLC1	10,875,000
796	121160017	Tôn Thất Nhật Huy	16KTCLC1	10,875,000
797	121160018	Võ Đại Huy	16KTCLC1	6,230,000
798	121160020	Hồ Sỹ Trung Kiên	16KTCLC1	6,005,000
799	121160032	Lê Hồng Phúc	16KTCLC1	10,875,000
800	121160040	Trần Tình Thương	16KTCLC1	10,875,000
801	121160041	Nguyễn Viết Toán	16KTCLC1	10,875,000
802	121160042	Dương Thiên Vân Trà	16KTCLC1	5,000,000
803	121160045	Mai Văn Truyền	16KTCLC1	10,875,000
804	121160049	Trang Tuấn Vũ	16KTCLC1	10,875,000
805	121160066	Trần Viết Gia Huy	16KTCLC2	5,000,000
806	121160074	Lê Phước Mỹ	16KTCLC2	10,875,000
807	121160079	Nguyễn Đức Nhật	16KTCLC2	5,000,000
808	103160170	Trần Văn Nghĩa	16KTTT	3,759,000
809	103160171	Lê Thành Nhân	16KTTT	1,230,000
810	118160009	Trần Quốc Dũng	16KX1	410,000
811	118160010	Ngô Trường Dương	16KX1	4,165,000
812	118160054	Nguyễn Đình Trung	16KX1	245,000
813	118160068	Phạm Quang Dũng	16KX2	3,528,000
814	118160087	Mai Hoàng Linh	16KX2	2,940,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
815	118160104	Phạm Đình Thắng	16KX2	1,470,000
816	118160108	Nguyễn Kiều Thương	16KX2	5,390,000
817	118160109	Nguyễn Văn Tiến	16KX2	4,606,000
818	118160117	Phạm Văn Vui	16KX2	5,257,000
819	118160118	Nguyễn Phước Vương	16KX2	410,000
820	118160119	Ngô Thị Yến	16KX2	2,460,000
821	117160083	Tô Hoàng Vũ	16MT	4,662,000
822	104160007	Đặng Thế Định	16N1	2,352,000
823	104160009	Ngô Viết Duẩn	16N1	2,450,000
824	104160057	Trần Quốc Cường	16N2	4,312,000
825	104160063	Nguyễn Văn Dũng	16N2	3,675,000
826	104160085	Nguyễn Ngọc Phương	16N2	2,107,000
827	118160174	Nguyễn Vũ	16QLCN	3,724,000
828	117160096	Huỳnh Thị Hoa	16QLMT	4,662,000
829	117160133	Nguyễn Anh Tuấn	16QLMT	5,243,000
830	107160226	Trần Thái Phiên	16SH	3,934,000
831	108160014	Nguyễn Trần Hiếu	16SK	882,000
832	108160018	Lê Đức Hùng	16SK	1,764,000
833	108160040	Võ Hưng Tài	16SK	1,176,000
834	102160057	Nguyễn Hoàng Phi	16T1	2,622,000
835	102160060	Dương Quỳnh Quang	16T1	5,464,000
836	102160152	Trần Thị Ngân	16T3	410,000
837	102160196	Đặng Phúc Thịnh	16TCLC1	5,000,000
838	102160202	Tô Anh Tú	16TCLC1	10,875,000
839	102160205	Trần Chấn Vũ	16TCLC1	10,875,000
840	102160224	Nguyễn Hoàng Phúc	16TCLC2	5,375,000
841	102160230	Hoàng Tấn Trường An	16TCLC3	5,475,000
842	102160232	Phan Minh Tuấn Anh	16TCLC3	5,000,000
843	102160240	Nguyễn Văn Dũng	16TCLC3	5,000,000
844	102160255	Nguyễn Công Minh	16TCLC3	5,475,000
845	102160257	Phan Đăng Phú	16TCLC3	5,000,000
846	102160264	Lê Xuân Tân	16TCLC3	5,000,000
847	105160172	Phan Quang Huy	16TDH	5,390,000
848	105160197	Nguyễn Hữu Sang	16TDH	2,457,000
849	105160207	Hà Xuân Toàn	16TDH	2,450,000
850	105160208	Nguyễn Duy Trinh	16TDH	2,156,000
851	105160226	Phạm Thị Trà Giang	16TDHCLC1	5,000,000
852	105160234	Nguyễn Văn Hồng	16TDHCLC1	5,000,000
853	105160237	Võ Ngọc Huy	16TDHCLC1	5,000,000
854	105160242	Nguyễn Văn Mạnh	16TDHCLC1	5,000,000
855	105160248	Hoàng Hồng Quân	16TDHCLC1	6,525,000
856	105160250	Đinh Duy Quyền	16TDHCLC1	10,875,000
857	105160255	Phạm Mạnh Thắng	16TDHCLC1	10,875,000
858	105160261	Hoàng Công Vinh	16TDHCLC1	5,000,000
859	111160025	Nguyễn Việt Hoàng	16THXD	3,179,000
860	111160034	Phạm Ngọc Lực	16THXD	3,749,000
861	111160059	Hồ Văn Vương	16THXD	1,230,000
862	109160060	Ngô Đình Quân	16VLXD	2,009,000
863	110160087	Ngô Viết Nhật Hoàng	16X1A	4,417,000
864	110160117	Nguyễn Đăng Tâm	16X1A	2,499,000
865	110160136	Trần Phước Anh	16X1B	4,557,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
866	110160139	Nguyễn Hoàng Bảo	16X1B	1,230,000
867	110160140	Lê Trọng Cảm	16X1B	1,230,000
868	110160170	Đoàn Thống Lĩnh	16X1B	2,646,000
869	110160200	Võ Tôn Đình Trung	16X1B	3,283,000
870	110160206	Trần Quang Anh	16X1C	5,390,000
871	110160218	Lê Hữu Đức	16X1C	2,205,000
872	110160242	Nguyễn Công Minh	16X1C	4,018,000
873	111160068	Phan Hồ Quốc Đạt	16X2	5,103,000
874	111160070	Cao Thanh Dương	16X2	2,506,000
875	111160101	Phạm Văn Nhớ	16X2	3,486,000
876	111160104	Nguyễn Hồng Phúc	16X2	4,851,000
877	111160110	Nguyễn Hoàng Thịnh	16X2	2,401,000
878	109160095	Lê Hữu Hiếu	16X3A	2,744,000
879	109160106	Lê Minh	16X3A	2,450,000
880	109160120	Hoàng Trọng Quý	16X3A	4,522,000
881	109160177	Trương Trần Bá Ngọc	16X3B	4,183,000
882	109160188	Nguyễn Hoài Sơn	16X3B	3,920,000
883	109160200	Chu Duy Thông	16X3B	2,597,000
884	109160210	Hứa Đại Tâm Anh	16X3CLC	11,757,000
885	109160211	Trương Phú Đạt	16X3CLC	11,757,000
886	109160212	Mai Văn Đông	16X3CLC	10,875,000
887	109160216	Đỗ Quang Duy	16X3CLC	10,875,000
888	109160222	Nguyễn Việt Hoàng	16X3CLC	10,875,000
889	109160223	Lê Võ Quốc Huy	16X3CLC	11,757,000
890	109160224	Mai Thái Khoa	16X3CLC	10,875,000
891	109160225	Nguyễn Sơn Khoa	16X3CLC	11,757,000
892	109160228	Đỗ Tuấn Minh	16X3CLC	10,875,000
893	109160232	Nguyễn Xuân Quý	16X3CLC	10,875,000
894	109160233	Phạm Đăng An Sơn	16X3CLC	10,875,000
895	109160235	Nguyễn Quang Minh Tâm	16X3CLC	10,875,000
896	109160237	Lê Quyết Thắng	16X3CLC	11,757,000
897	109160246	Lê Thanh Vũ	16X3CLC	10,875,000
898	101170007	Đoàn Minh Văn Chương	17C1A	4,777,400
899	101170008	Phan Văn Công	17C1A	5,267,400
900	101170009	Trần Danh Đán	17C1A	612,400
901	101170063	Phan Dũng Thắng	17C1A	2,205,000
902	101170082	Lê Văn Bắc	17C1B	5,512,400
903	101170099	Nguyễn Hữu Giáp	17C1B	5,022,400
904	101170131	Hoàng Khắc Phúc	17C1B	4,042,400
905	101170132	Nguyễn Văn Phúc	17C1B	5,267,400
906	103170007	Hà Văn Du	17C4A	4,753,000
907	103170102	Nguyễn Đặng Thư	17C4B	410,000
908	103170142	Nguyễn Nhân	17C4C	5,365,400
909	103170160	Vũ Viết Thương	17C4C	4,875,400
910	101170195	Trần Công Minh	17CDT1	4,532,400
911	101170208	Nguyễn Văn Tâm	17CDT1	5,267,400
912	101170219	Nguyễn Cảnh Tú	17CDT1	5,267,400
913	101170266	Phạm Ngọc Sơn	17CDT2	2,695,000
914	101170281	Nguyễn Nhật Anh	17CDT3	5,071,400
915	101170312	Trần Hoàng Nguyên	17CDT3	1,960,000
916	105170004	Tống Xuân Bảo	17D1	5,267,400

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
917	105170019	Hứa Huy Hoàng	17D1	2,205,000
918	105170092	Lê Viết Hoàng	17D2	5,267,400
919	105170127	Ngô Ngọc Tài	17D2	4,287,400
920	105170142	Nguyễn Mạnh Tuấn	17D2	820,000
921	105170144	Trần Nhật Vân	17D2	410,000
922	105170145	Trần Viết Quốc Vinh	17D2	287,400
923	105170150	Nguyễn Minh Cảnh	17D3	1,230,000
924	105170156	Hoàng Kim Anh Đức	17D3	3,430,000
925	105170168	Lê Nhật Huy	17D3	4,287,400
926	105170192	Phan Minh Quân	17D3	5,267,400
927	105170198	Võ Ngọc Tài	17D3	1,022,400
928	105170220	Bùi Tuấn Anh	17DCLC	1,230,000
929	105170225	Khổng Minh Đức	17DCLC	12,148,400
930	105170226	Phan Tiến Dũng	17DCLC	7,798,400
931	105170232	Trần Hoàng	17DCLC	12,148,400
932	105170244	Trần Vũ Hải Nam	17DCLC	12,148,400
933	105170261	Vũ Hoàng Thương	17DCLC	12,148,400
934	105170263	Phan Quốc Toàn	17DCLC	410,000
935	106170015	Nguyễn Minh Hiếu	17DT1	5,757,400
936	106170016	Trần Hữu Hiếu	17DT1	857,400
937	106170032	Nguyễn Văn Linh	17DT1	820,000
938	106170044	Hồ Đình Phúc	17DT1	5,561,400
939	106170053	Lê Ngọc Tài	17DT1	4,532,400
940	106170057	Đỗ Văn Thắng	17DT1	410,000
941	106170088	Nguyễn Phú Hiếu	17DT2	5,267,400
942	106170119	Dương Đình Phương	17DT2	857,400
943	106170129	Nguyễn Cảnh Thái	17DT2	5,352,400
944	106170141	Lê Thanh Trung	17DT2	5,512,400
945	106170192	Huỳnh Duy Phương	17DT3	5,757,400
946	106170222	Nguyễn Phạm Hòa Bình	17DTCLC	6,048,400
947	106170230	Hoàng Xuân Đức	17DTCLC	93,000
948	106170237	Trần Quốc Huy	17DTCLC	4,500,000
949	106170243	Nguyễn Hoàng Lộc	17DTCLC	5,475,400
950	106170248	Nguyễn Thành Nam	17DTCLC	6,148,400
951	106170251	Nguyễn Duy Phú	17DTCLC	6,458,400
952	106170253	Nguyễn Hoàng Phúc	17DTCLC	6,458,400
953	106170255	Trịnh Thị Phương	17DTCLC	6,748,400
954	106170265	Trần Thái Thương	17DTCLC	5,875,000
955	106170269	Nguyễn Văn Đức Trọng	17DTCLC	12,148,400
956	106170274	Đoàn Triệu Vĩ	17DTCLC	4,998,400
957	107170069	Nguyễn Phan Kiều Trinh	17H2	6,198,400
958	107170304	Nguyễn Hữu Lộc	17H2CLC1	12,148,400
959	107170315	Hồ Văn Tâm	17H2CLC1	1,273,400
960	107170322	Lê Thị Yên	17H2CLC1	4,148,400
961	107170323	Dương Tấn Bảo	17H2CLC2	5,048,400
962	107170325	Hoàng Tiến Hải Đăng	17H2CLC2	1,273,400
963	107170327	Nguyễn Thị Kim Dung	17H2CLC2	12,148,400
964	107170328	Phạm Vũ Thu Hà	17H2CLC2	5,475,000
965	107170329	Phan Đại Hải	17H2CLC2	5,475,000
966	107170331	Đoàn Thị Minh Hiếu	17H2CLC2	5,475,000
967	107170333	Nguyễn Quỳnh Hương	17H2CLC2	1,230,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
968	107170334	Lê Quang Huy	17H2CLC2	4,998,400
969	107170338	Phạm Quang Minh	17H2CLC2	1,273,400
970	107170339	Nguyễn Văn Xuân Mỹ	17H2CLC2	12,148,400
971	107170340	Trần Lê Phương Ngọc	17H2CLC2	5,648,400
972	107170343	Trần Thị Hoàng Nhi	17H2CLC2	5,048,400
973	107170344	Nguyễn Tấn Nhuận	17H2CLC2	5,048,400
974	107170347	Hồ Thị Minh Phượng	17H2CLC2	5,248,400
975	107170348	Nguyễn Quyết Thắng	17H2CLC2	6,048,400
976	107170349	Hoàng Thị Minh Thu	17H2CLC2	5,000,000
977	107170352	Nguyễn Thị Thanh Tuyên	17H2CLC2	5,475,000
978	107170353	Nguyễn Thị Khánh Vân	17H2CLC2	1,273,400
979	107170354	Võ Văn Vỹ	17H2CLC2	12,148,400
980	107170082	Thiều Quang Chiến	17H5CLC	4,675,000
981	107170083	Hoàng Minh Đức	17H5CLC	12,148,400
982	107170085	Phan Minh Hải	17H5CLC	5,048,400
983	107170086	Trần Hậu	17H5CLC	4,675,000
984	107170087	Nguyễn Minh Hiếu	17H5CLC	4,875,000
985	107170088	Võ Hoàng	17H5CLC	1,273,400
986	107170090	Ngô Đức Hy	17H5CLC	12,148,400
987	107170092	Lê Hồng Lam	17H5CLC	4,875,000
988	107170095	Bùi Xuân Mạnh	17H5CLC	4,875,000
989	107170096	Phan Ngọc Anh Nguyên	17H5CLC	4,875,000
990	107170105	Nguyễn Hữu Tiến	17H5CLC	4,875,000
991	107170106	Phan Mạnh Tiến	17H5CLC	12,148,400
992	107170109	Nguyễn Hồng Trung	17H5CLC	4,998,400
993	107170110	Huỳnh Khắc Tú	17H5CLC	12,148,400
994	107170113	Võ Trung Văn	17H5CLC	4,675,000
995	107170114	Nguyễn Quốc Vương	17H5CLC	5,048,400
996	121170001	Trương Công An	17KTCLC1	1,273,400
997	121170002	Lê Đức Anh	17KTCLC1	6,748,400
998	121170003	Phạm Tú Anh	17KTCLC1	5,475,000
999	121170007	Ngô Thanh Phạm Duy	17KTCLC1	6,048,400
1000	121170011	Nguyễn Hồng Hiệp	17KTCLC1	4,948,400
1001	121170018	Nguyễn Văn Từ Huy	17KTCLC1	6,048,400
1002	121170019	Ông Bửu Khánh	17KTCLC1	12,148,400
1003	121170023	Nguyễn Văn Minh	17KTCLC1	4,875,000
1004	121170025	Hồ Ngân	17KTCLC1	4,875,000
1005	121170028	Huỳnh Đỗ Đức Nhật	17KTCLC1	6,048,400
1006	121170029	Nguyễn Ngô Thục Nhi	17KTCLC1	12,148,400
1007	121170031	Lê Trường Phước	17KTCLC1	5,648,400
1008	121170035	Trần Tiến Sỹ	17KTCLC1	12,148,400
1009	121170039	Đặng Bá Thịnh	17KTCLC1	5,875,000
1010	121170044	Văn Quang Anh Tú	17KTCLC1	5,475,000
1011	121170047	Nguyễn Thị Tuyết	17KTCLC1	4,948,400
1012	121170048	Phạm Quốc Việt	17KTCLC1	12,148,400
1013	121170055	Đặng Văn Thành Công	17KTCLC2	6,048,400
1014	121170058	Trần Hoàn Ngân Hà	17KTCLC2	6,048,400
1015	121170060	Bùi Ngọc Hậu	17KTCLC2	6,048,400
1016	121170069	Nguyễn Công Khoa	17KTCLC2	12,148,400
1017	121170070	Bùi Minh Khôi	17KTCLC2	5,875,000
1018	121170071	Đỗ Thị Thuỳ Linh	17KTCLC2	5,875,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
1019	121170080	Lưu Lê Gia Quyết	17KTCLC2	6,048,400
1020	121170085	Lê Khánh Tâm	17KTCLC2	6,048,400
1021	121170086	Nguyễn Hồng Thanh	17KTCLC2	6,048,400
1022	121170088	Hoàng Trọng Thiện	17KTCLC2	6,048,400
1023	121170090	Trần Ngọc Minh Thư	17KTCLC2	5,000,000
1024	121170094	Trần Công Tụ	17KTCLC2	5,875,000
1025	121170096	Trần Duy Tuyên	17KTCLC2	5,475,000
1026	107170143	Trần Thị Như	17KTHH1	6,051,400
1027	107170170	Lê Hữu Cường	17KTHH2	6,608,400
1028	107170174	Phạm Thị Thanh Hằng	17KTHH2	6,443,400
1029	107170176	Lê Thị Diễm Hiền	17KTHH2	820,000
1030	107170178	Trần Thanh Hữu	17KTHH2	6,688,400
1031	107170180	Nguyễn Thanh Thanh Huyền	17KTHH2	5,659,400
1032	107170194	Hồ Anh Quốc	17KTHH2	2,597,000
1033	107170203	Phạm Thị Tiền	17KTHH2	820,000
1034	107170211	Phạm Thị Thanh Vân	17KTHH2	6,198,400
1035	103170173	Võ Minh Anh	17KTTT	612,400
1036	103170186	Trần Thanh Hợi	17KTTT	4,581,400
1037	103170194	Trần Mai Long	17KTTT	2,621,400
1038	118170011	Thái Trà Giang	17KX1	410,000
1039	118170013	Nguyễn Đình Hạc	17KX1	2,205,000
1040	118170016	Lê Thị Lâm Hậu	17KX1	4,532,400
1041	118170023	Lê Minh Huy	17KX1	612,400
1042	118170027	Ngô Đình Khoa Lâm	17KX1	820,000
1043	118170048	Bùi Phước Thái	17KX1	612,400
1044	118170054	Nguyễn Hoàng Minh Thư	17KX1	820,000
1045	118170072	Hồ Bình	17KX2	6,002,400
1046	118170094	Trần Ngọc Quang Huy	17KX2	5,512,400
1047	118170107	Nguyễn Hồng Phúc	17KX2	820,000
1048	117170006	Mai Xuân Đạt	17MT	4,777,400
1049	117170007	Châu Ngọc Dinh	17MT	5,512,400
1050	117170047	Phạm Trung Tín	17MT	612,400
1051	117170051	Nguyễn Quang Trung	17MT	2,450,000
1052	117170053	Trần Võ Anh Tú	17MT	4,532,400
1053	104170042	Trần Bảo Phong	17N1	410,000
1054	104170077	Huỳnh Văn Danh	17N2	4,704,000
1055	104170115	Nguyễn Phúc Quang	17N2	1,230,000
1056	118170172	Trần Ngọc Linh	17QLCN	4,336,400
1057	118170190	Phạm Thị Phương	17QLCN	1,230,000
1058	118170196	Huỳnh Văn Tất	17QLCN	1,230,000
1059	118170215	Lê Thị Lan Vi	17QLCN	410,000
1060	118170218	Nguyễn Ý	17QLCN	4,091,400
1061	117170068	Võ Thị Thu Hằng	17QLMT	410,000
1062	117170071	Nguyễn Thị Hiền	17QLMT	5,512,400
1063	117170074	Nguyễn Việt Hoàng	17QLMT	612,400
1064	117170075	Đinh Thị Kim Huệ	17QLMT	1,249,500
1065	117170081	Nguyễn Trung Kiên	17QLMT	410,000
1066	117170097	Nguyễn Duy Minh Quang	17QLMT	4,532,400
1067	117170102	Trương Thị Thu Thảo	17QLMT	820,000
1068	117170108	Lê Văn Trung	17QLMT	4,777,400
1069	107170279	Hồ Thị Việt Trinh	17SH	1,396,400

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
1070	107170286	Trương Vi	17SH	5,365,400
1071	102170011	Lê Phước Định	17T1	1,886,400
1072	102170019	Đoàn Văn Hoàng	17T1	245,000
1073	102170031	Phạm Thanh Lâm	17T1	5,561,400
1074	102170041	Ngô Minh Nhật	17T1	4,581,400
1075	102170060	Kiều Việt Anh Tín	17T1	5,561,400
1076	102170067	Phạm Văn Vũ	17T1	612,400
1077	102170099	Nguyễn Lộc	17T2	857,400
1078	102170132	Nguyễn Văn Huy Tưởng	17T2	410,000
1079	102170154	Nguyễn Thanh Hoàn	17T3	612,400
1080	102170182	Nguyễn Văn Quân	17T3	5,439,000
1081	102170203	Thái Trung Vĩnh	17T3	3,969,000
1082	102170221	Lê Anh Huy	17TCLC1	5,675,000
1083	102170222	Nguyễn Anh Huy	17TCLC1	5,148,400
1084	102170236	Trần Đặng Văn Nguyên	17TCLC1	7,798,400
1085	102170241	Bùi Duy Quang	17TCLC1	12,148,400
1086	102170250	Đỗ Hữu Nguyên Thắng	17TCLC1	4,875,000
1087	102170273	Trần Quốc Duy	17TCLC2	4,648,400
1088	102170284	Văn Phú Lâm	17TCLC2	6,648,400
1089	102170300	Đinh Thị Thanh Thanh	17TCLC2	1,273,400
1090	102170303	Thái Doãn Thông	17TCLC2	12,148,400
1091	105170273	Nguyễn Văn Danh	17TDH1	820,000
1092	105170280	Hoàng Hải	17TDH1	612,400
1093	105170285	Võ Phan Nhật Hoàng	17TDH1	2,695,000
1094	105170290	Mai Xuân Huy	17TDH1	820,000
1095	105170333	Đặng Lê Chí Công	17TDH2	4,777,400
1096	105170338	Đoàn Ngọc Duy	17TDH2	3,307,400
1097	105170386	Nguyễn Tiến Tuấn	17TDH2	410,000
1098	105170394	Đặng Quang Quốc Bảo	17TDHCLC1	5,048,400
1099	105170396	Nguyễn Đức Cừ	17TDHCLC1	6,048,400
1100	105170407	Phạm Thanh Lâm	17TDHCLC1	4,998,400
1101	105170408	Nguyễn Đắc Ngọc Liêm	17TDHCLC1	5,475,000
1102	105170410	Nguyễn Thị Hải Ly	17TDHCLC1	12,148,400
1103	105170415	Nguyễn Hoàng Pháp	17TDHCLC1	4,948,400
1104	105170418	Lê Viết Hoàng Quân	17TDHCLC1	5,048,400
1105	105170419	Phạm Đình Quý	17TDHCLC1	1,230,000
1106	105170423	Lê Phước Toàn	17TDHCLC1	6,048,400
1107	105170424	Đặng Duy Trung	17TDHCLC1	12,148,400
1108	105170426	Châu Thanh Vũ	17TDHCLC1	8,208,400
1109	105170427	Nguyễn Trí Hoàng Anh	17TDHCLC2	410,000
1110	105170437	Trần Đình Hoan	17TDHCLC2	12,148,400
1111	105170456	Huỳnh Thanh Sang	17TDHCLC2	5,000,000
1112	111170033	Nguyễn Hữu Nhân	17THXD	6,737,400
1113	111170038	Lê Đăng Quỳnh	17THXD	6,737,400
1114	111170042	Nguyễn Văn Thiện	17THXD	6,492,400
1115	111170050	Nguyễn Lam Trường	17THXD	4,410,000
1116	109170002	Nguyễn Thiện Anh	17VLXD	410,000
1117	109170016	Nguyễn Ngọc Kha	17VLXD	1,347,400
1118	110170011	Lê Bá Đông	17X1A	820,000
1119	110170026	Nguyễn Lê Đức Hữu	17X1A	4,532,400
1120	110170033	Võ Đình Khôi	17X1A	820,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
1121	110170036	Huỳnh Phi Lanh	17X1A	820,000
1122	110170037	Cao Văn Lợi	17X1A	820,000
1123	110170039	Đỗ Quang Lưu	17X1A	820,000
1124	110170042	Phan Phụng Đức Minh	17X1A	5,267,400
1125	110170046	Kiều Khắc Nguyên	17X1A	820,000
1126	110170052	Lê Tấn Phước	17X1A	820,000
1127	110170053	Trần Thanh Phương	17X1A	4,777,400
1128	110170055	Lê Anh Quốc	17X1A	4,165,000
1129	110170062	Nguyễn Hữu Thắng	17X1A	820,000
1130	110170073	Trần Minh Trung	17X1A	1,347,400
1131	110170084	Võ Hoàng Vũ	17X1A	6,492,400
1132	110170095	Trương Văn Diệu	17X1B	1,230,000
1133	110170097	Hồ Sỹ Đức	17X1B	2,450,000
1134	110170109	Bùi Đăng Hùng	17X1B	612,400
1135	110170158	Đặng Thanh Trường	17X1B	1,102,400
1136	110170165	Đào Ngọc Vinh	17X1B	5,757,400
1137	110170170	Trần Quốc Vương	17X1B	1,102,400
1138	110170177	Ngô Nguyễn Cường	17X1C	5,512,400
1139	110170187	Phan Văn Hân	17X1C	612,400
1140	110170206	Hoàng Lanh	17X1C	410,000
1141	110170216	Trà Tiến Ngọc	17X1C	1,230,000
1142	110170227	Trần Minh Sinh	17X1C	4,777,400
1143	110170248	Trần Hoàng Vĩ	17X1C	410,000
1144	111170083	Nguyễn Khắc Tuấn	17X2	820,000
1145	109170061	Trần Ngọc Minh Hoàng	17X3	2,450,000
1146	109170105	Phạm Đình Triều	17X3	2,450,000
1147	109170116	Lê Văn Tùng	17X3	410,000
1148	109170119	Hồ Viết Văn	17X3	6,492,400
1149	109170124	Trần Minh Hoàng	17X3CLC	6,048,400
1150	105150392	Dương Ngọc Ánh	15D_KTum	4,336,000
1151	105150393	Nguyễn Quốc Bảo	15D_KTum	3,846,000
1152	105150394	Lê Trường Chỉnh	15D_KTum	3,846,000
1153	105150395	Nguyễn Huy Thế Chung	15D_KTum	4,336,000
1154	105150396	Trần Đình Quốc Cường	15D_KTum	3,846,000
1155	105150397	Nguyễn Sĩ Đại	15D_KTum	3,846,000
1156	105150398	Đinh Tiên Đạt	15D_KTum	3,846,000
1157	105150399	Nguyễn Ngọc Hải	15D_KTum	4,336,000
1158	105150400	Huỳnh Văn Liên Hiệp	15D_KTum	3,846,000
1159	105150401	Nguyễn Thanh Hoàng	15D_KTum	3,846,000
1160	105150402	Lê Ngọc Hơn	15D_KTum	3,846,000
1161	105150403	A Huân	15D_KTum	546,000
1162	105150404	Lê Ngọc Lai	15D_KTum	3,846,000
1163	105150405	Phạm Quang Lãm	15D_KTum	4,336,000
1164	105150406	Nguyễn Thái Phan	15D_KTum	4,336,000
1165	105150407	Cao Văn Sơn	15D_KTum	4,336,000
1166	105150408	Trần Anh Thiện	15D_KTum	3,846,000
1167	105150409	Dương Văn Thuận	15D_KTum	4,336,000
1168	105150410	Đặng Văn Thức	15D_KTum	4,336,000
1169	105150412	Lê Minh Trường	15D_KTum	3,846,000
1170	105150411	Nguyễn Quang Trung	15D_KTum	3,846,000
1171	105150413	Trần Lê Văn	15D_KTum	4,336,000

STT	Số thẻ SV	Họ và tên	Lớp	Học phí còn nợ
1172	105150414	Phạm Văn Vệ	15D_KTum	4,336,000
1173	105150415	La Thanh Việt	15D_KTum	3,846,000
1174	105150416	Trần Phước Vũ	15D_KTum	4,336,000